

Số: 42 /QĐ-SGDĐT Đồng Nai, ngày 17 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Tiêu chuẩn công nhận trường học
đạt chuẩn Xanh – Sạch – Đẹp**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ quyết định số 17/2021/QĐ-UBND, ngày 26/4/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai;

Chỉ thị số 22/1997/CT-BGD&ĐT ngày 01/11/1997 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tổ chức hoạt động “Xanh hóa nhà trường”;

Căn cứ chỉ thị số 40/2008/CT-BGDĐT ngày 22/7/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phát động phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” trong các trường phổ thông giai đoạn 2008 – 2013;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Nghiệp vụ 1,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Tiêu chuẩn công nhận trường học đạt chuẩn Xanh – Sạch – Đẹp.

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 1257/QĐ-SGDĐT ngày 31/12/2009 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc ban hành “Phiếu đánh giá trường phổ thông đạt chuẩn Xanh – Sạch – Đẹp” và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2023.

Điều 3. Trưởng các phòng thuộc Sở; Trưởng Phòng GDĐT các huyện, thành phố; Hiệu trưởng các trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường Phổ thông nhiều cấp học chịu trách thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc Sở;
- Công thông tin điện tử Sở GDĐT;
- Lưu: VT, NV1.



Võ Ngọc Thạch



TIÊU CHUẨN

CÔNG NHẬN TRƯỜNG HỌC ĐẠT XANH – SẠCH – ĐẸP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42 /QĐ-SGDDT ngày 11 / 01 /2023 của Sở GDĐT)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Tiêu chuẩn này quy định về công nhận trường học đạt chuẩn Xanh - Sạch- Đẹp bao gồm: 13 tiêu chuẩn.
2. Áp dụng đối với trường Tiểu học, trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường Phổ thông nhiều cấp học.

Điều 2. Điều kiện và nguyên tắc

Căn cứ vào các tiêu chuẩn quy định, các nhà trường tự đánh giá, nếu trường đã đạt chuẩn được quyền đề nghị cấp có thẩm quyền kiểm tra, công nhận. Cụ thể:

- Đối Phòng GDĐT:

+ Các cơ sở giáo dục: Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện trường học Xanh – Sạch – Đẹp theo năm học, tiến hành tự kiểm tra, đánh giá nếu xét thấy đạt chuẩn, lập tờ trình đề nghị Phòng GDĐT kiểm tra.

+ Phòng GDĐT: Tiến hành kiểm tra, đánh giá, xét thấy trường đủ điều kiện đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp cấp tỉnh thì tổng hợp và lập tờ trình đề nghị Sở GDĐT tiến hành kiểm tra công nhận.

- Đối với các trường THPT: Tự đánh giá nếu trường đủ điều kiện đạt chuẩn lập tờ trình đề nghị Sở GDĐT tiến hành kiểm tra công nhận.

Điều 3. Thời hạn công nhận

Thời hạn công nhận trường học đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp là 5 năm.

Sau 5 năm kể từ ngày ký quyết định công nhận và cấp Giấy công nhận, nhà trường phải tự đánh giá và đề nghị cấp có thẩm quyền để được kiểm tra và công nhận lại.

Chương II

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN XANH - SẠCH - ĐẸP

Điều 4. Tiêu chuẩn đánh giá (13 tiêu chuẩn/100 điểm)

Tiêu chuẩn 1. Những qui định chung về trang trí trường lớp, bàn ghế học sinh (4 tiêu chí)

- 1.1. Trường có công, biển trường theo qui định của điều lệ trường học.
- 1.2. Khuôn viên của trường có hàng rào bao quanh (tường xây hoặc hàng rào cây xanh) cao tối thiểu 1,5 mét.

1.3. Mỗi trường có ít nhất hai khẩu hiệu mang tính giáo dục và phù hợp với yêu cầu cụ thể của nhà trường trong từng năm học.

1.4. Lớp học có bảng chống lóa, bàn ghế phù hợp với lứa tuổi và tầm vóc học sinh, có ảnh Bác Hồ, cờ Tổ quốc, khẩu hiệu “Dạy tốt - Học tốt”; “5 điều Bác Hồ dạy”; Trích “Thư Bác Hồ gửi các em học sinh tháng 9/1945”;... (Tùy vào từng cấp học mà chọn nội dung và cách trang trí phù hợp).

Tiêu chuẩn 2. Công tác quy hoạch trồng cây (4 tiêu chí)

2.1. Có sơ đồ hoặc sa bàn quy hoạch tổng thể khoa học hợp lý, bao gồm: khuôn viên, tường (hàng) rào, cây xanh bóng mát, cây cảnh, có vườn sinh vật (vườn cây học tập, vườn cây thuốc), công trình vệ sinh, nơi xử lý rác, nước thải...

2.2. Chọn cây thích hợp với đặc điểm của trường học. Sân trường có cây xanh che mát khoảng 25% đến 30% diện tích khu trường (hoặc cho ít nhất 1/5 số học sinh đang học được vui chơi lúc trời nắng). Trồng các thảm hoa (thảm cỏ), cây cảnh làm tăng vẻ đẹp của trường.

2.3. Trồng cây có khoảng cách hợp lý, tạo điều kiện để mọi người hưởng bóng mát, ngắm hoa, cây cảnh (có ghế đá, hoặc xây bồn viền gốc cây làm chỗ ngồi thích hợp cho học sinh nghỉ ngơi, đọc sách, giải trí).

2.4. Sửa sang, tạo dáng cây kiểng, cửa cảnh nhánh để thông thoáng không gian bên dưới, chống đổ, chăm tưới thường xuyên (tạo dáng đơn giản, dễ nhìn).

Tiêu chuẩn 3. Tổ chức chăm sóc và giữ gìn vệ sinh môi trường (4 tiêu chí)

3.1. Có chương trình, kế hoạch và lịch phân công cán bộ, giáo viên, học sinh (CB-GV-HS) tham gia vào các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, giữ gìn vệ sinh môi trường lớp học, nhà trường, khu vệ sinh.

3.2. Tổ chức cho CB - GV - HS các lớp chăm sóc cây trồng (vườn hoa, cây cảnh,...) thường xuyên theo lịch.

3.3. Có kế hoạch định kì, kiểm tra đánh giá việc thực hiện chương trình kế hoạch chăm sóc, giữ gìn vệ sinh môi trường lớp học, nhà trường, khu vệ sinh.

3.4. Có giải pháp đảm bảo vệ sinh khi làm vệ sinh trường, lớp.

Tiêu chuẩn 4. Xanh hóa lớp học và các phòng làm việc của trường (2 tiêu chí)

4.1. Tạo mảng xanh cho phòng làm việc và lớp học, cây cảnh trồng chậu và treo tường được bố trí thích hợp trong lớp học và các phòng làm việc.

4.2. Trang trí đẹp, bài trí khoa học cho các lớp học, phòng làm việc của trường gần gũi, thân thiện với thiên nhiên.

Tiêu chuẩn 5. Xây dựng vườn cây học tập (2 tiêu chí)

5.1. Xây dựng vườn trường hoặc khu vực cây xanh phục vụ giảng dạy, học tập.

5.2. Ghi tên và công dụng của loại cây đã trồng trong sân trường.

Tiêu chuẩn 6. Giảm thiểu xói mòn đất (3 tiêu chí)

6.1. Kè bảo vệ hoặc bê tông hoá đối với những khu vực đất có thể bị xói mòn.

6.2. Phủ cỏ, trồng các loại cây giữ đất.

6.3. Làm hệ thống cống, rãnh thoát nước hợp lý (không để nước đọng).

Tiêu chuẩn 7. Tiết kiệm điện, nước(3 tiêu chí)

7.1. Lắp đặt hệ thống điện đúng tiêu chuẩn, đảm bảo đủ nước sạch (hợp vệ sinh, được kiểm định đối với nước uống) và giảm thiểu thất thoát điện, nước.

7.2. Phòng học đủ ánh sáng, các cửa sổ phải được mở thông thoáng cho học sinh hưởng thụ không khí trong lành, mát mẻ; tránh đóng cửa mở điện gây lãng phí.

7.3. Thông báo công khai tiền điện, nước (nếu nước dùng phải trả tiền) từng tháng nhằm mục đích giúp HS ý thức trong việc quản lý và sử dụng tiết kiệm.

Tiêu chuẩn 8. Khu vực vệ sinh (4 tiêu chí)

8.1. Khu vệ sinh học sinh: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho HS khuyết tật tiếp cận sử dụng; số lượng thiết bị: đối với nam gồm 01 tiểu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho 30 HS (trường hợp làm máng tiểu bảo đảm chiều dài máng 0,6m cho 30 HS), có tường/vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí; đối với nữ gồm 01 xí và 01 chậu rửa cho 20 HS. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng đến môi trường.

8.2. Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị: đối với nam gồm 01 tiểu/15 người, 01 chậu xí/20 người, 01 chậu rửa tay/04 chậu xí nhưng không được ít hơn 01. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng đến môi trường.

8.3. Nhà vệ sinh có bảng chỉ dẫn theo khu vực Nam, Nữ; có hệ thống đèn chiếu sáng; trang trí hình ảnh hoặc khẩu hiệu nhằm giáo dục HS tích cực tham gia giữ gìn vệ sinh chung (tránh nền gạch bóng trơn trượt).

8.4. Nhà vệ sinh (ở tất cả các điểm trường) đảm bảo có đủ nước sạch và được định kì áp dụng các biện pháp tẩy uế, khử mùi hôi, thu dọn chất thải, rác thải,...

Tiêu chuẩn 9. Quản lý rác thải (2 tiêu chí)

9.1. Dùng các thùng khác nhau để (phân loại chất thải rắn) chứa các loại chất thải rắn khác nhau. Thùng rác có hình thức đẹp, có nắp đậy, đặt ở nơi thuận tiện.

9.2. Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận tiện cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường. Có khu thu gom riêng các hóa chất độc hại, các chất thải thí nghiệm.

Tiêu chuẩn 10. Các hoạt động vì môi trường (4 tiêu chí)

10.1. Vẽ tranh, làm báo tường (tập san) hoặc tham gia dự thi về môi trường.

10.2. Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về môi trường. Tham gia hưởng ứng các tuần lễ về bảo vệ môi trường (BVMT). Tổ chức các buổi dã ngoại sinh hoạt về môi trường hoặc giao lưu về môi trường với các cơ quan, đơn vị trong cộng đồng.

10.3. Giáo dục học sinh BVMT qua việc dạy tích hợp ở các môn học.

10.4. Định kỳ quét vôi hoặc sơn tường bao, tường lớp học, cổng..., đảm bảo sạch đẹp; không viết, vẽ bậy lên bàn ghế, tường...

Tiêu chuẩn 11. Những tác động ảnh hưởng đến môi trường (2 tiêu chí)

11.1. Có khu đỗ xe. Bố trí thích hợp để phụ huynh đưa đón HS, tránh tình trạng làm tắc nghẽn giao thông.

11.2. Vệ sinh môi trường xung quanh khu vực trường sạch, đẹp.

Tiêu chuẩn 12. Theo dõi sự thay đổi môi trường của nhà trường (2 tiêu chí)

12.1. Ghi chép, chụp ảnh đối chiếu để thấy rõ sự thay đổi môi trường của nhà trường qua từng năm. Trưng bày những ghi chép hình ảnh đó.

12.2. Động viên, khuyến khích mọi người tham gia chăm sóc, cải tạo môi trường của nhà trường (Sân trường, lớp học,... luôn Sạch - Đẹp).

Tiêu chuẩn 13. Nghệ thuật (Nơi có điều kiện) (2 tiêu chí)

13.1. Có một cái ao sinh thái (có thể là ao rất nhỏ) hoặc một khu non bộ đẹp.

13.2. Vẽ những bức bích họa lớn (đảm bảo tính mỹ thuật) trên một số bức tường của trường.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỜI GIAN, NỘI DUNG KIỂM TRA, HỒ SƠ QUY ĐỊNH

Điều 5. Trình tự kiểm tra

Cơ sở giáo dục tiến hành tự kiểm tra, đánh giá theo các tiêu chí quy định và thực hiện trình tự như **Điều 2**.

Điều 6. Thời gian kiểm tra

Sở GDĐT tiến hành kiểm tra công nhận các cơ sở giáo dục đạt chuẩn hàng năm trong khoảng thời gian sau:

- Đối với cấp Tiểu học: tháng tư
- Đối với cấp THCS và THPT: tháng ba

Điều 7. Nội dung kiểm tra

1. Kiểm tra Hồ sơ về công tác xây dựng và thực hiện trường học Xanh – Sạch – Đẹp của nhà trường (Điều 8).

2. Kiểm tra thực tế các nội dung theo từng tiêu chí được quy định tại Chương II.

Điều 8. Quy định hồ sơ

1. Báo cáo kết quả xây dựng trường học đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp của trường.
2. Quyết định thành lập Ban chỉ đạo, kế hoạch, bản phân công thực hiện xây dựng trường Xanh - Sạch - Đẹp của trường.

3. Biên bản kiểm tra (Theo Phụ lục 1), phiếu đánh giá của đơn vị tự chấm (Theo Phụ lục 2) của trường đối với cấp THPT; Biên bản kiểm tra (Theo Phụ lục 1), phiếu đánh

giá, chấm điểm của Phòng GDDT đối với trường TH, THCS và trường TH-THCS (Theo Phụ lục 2).

Hồ sơ được đóng thành tập, gồm 03 bộ và gửi cho Đoàn kiểm tra tại trường học được kiểm tra.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA TRƯỜNG, PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Điều 8. Trách nhiệm của nhà trường

Xây dựng kế hoạch phấn đấu và phát triển nhà trường để đạt các tiêu chuẩn trường Xanh - Sạch - Đẹp; duy trì, giữ vững và phát huy các kết quả đã đạt sau khi được công nhận trường đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp.

Điều 9. Trách nhiệm của Phòng GDDT, Sở GDDT

1. Phòng GDDT có trách nhiệm:

- a. Chỉ đạo các trường xây dựng kế hoạch, đầu tư cơ sở vật chất cho các trường trên địa bàn để đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp.
- b. Đôn đốc, giám sát và kiểm tra các trường trong việc phấn đấu đạt chuẩn và duy trì các tiêu chuẩn đã đạt được.
- c. Kiến nghị với Sở GDDT về việc đề nghị thu hồi Quyết định và Bảng công nhận đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp đối với nhà trường đã được công nhận đạt chuẩn nhưng không giữ vững và phát huy kết quả đạt được.
- d. Hằng năm tiến hành tổng kết phong trào xây dựng trường học đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp.

2. Sở GDDT có trách nhiệm:

- a. Đôn đốc, giám sát và quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá công nhận và cấp Bảng công nhận cho trường học đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp.
- b. Tiến hành thu hồi Quyết định và Bảng công nhận trường đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp đối với trường đã được công nhận đạt chuẩn nhưng không giữ vững và phát huy kết quả đạt được.
- c. Hằng năm tiến hành tổng kết, đánh giá và khen thưởng các đơn vị trường học có nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng trường đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp cấp tỉnh.



UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN
KIỂM TRA TRƯỜNG XANH – SẠCH – ĐẸP
NĂM HỌC**

- Hôm nay, ngày:

- Địa điểm:

- Thành phần đoàn kiểm tra của Sở:

1/

2/

3/

- Thành phần của Phòng GDĐT

1/

2/

- Thành phần của trường

1/

2/

3/

4/

5/

6/

I. CÁC CÔNG VIỆC ĐÃ TIẾN HÀNH

.....
.....
.....

II. NHẬN XÉT

1. Ưu điểm

.....
.....
.....
.....

.....

2. Hạn chế

.....

.....

.....

.....

.....

3. Kiến nghị

.....

.....

.....

.....

.....

III. ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI *(Kèm theo phiếu đánh giá)*

1. Đánh giá/100.

* So với tiêu chuẩn:

+ Đủ:

+ Thiếu:

2. Kết quả

Biên bản kết thúc vào lúc Giờ phút cùng ngày.

Đại diện nhà trường

Đại diện đoàn kiểm tra

Sở GDĐT Đồng Nai

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
TRƯỜNG HỌC XANH - SẠCH - ĐẸP
 (Theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2022)

- TrườngĐiện thoại:
 - Xã (phường, thị trấn):..... Huyện (T/p):.....
 - Thời gian kiểm tra, đánh giá:.....
 - Người kiểm tra, đánh giá:.....

Nội dung Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đạt
1. Những qui định chung về trang trí trường lớp, bàn ghế học sinh (8 điểm) 1.1. Trường có công, biển trường theo qui định của điều lệ trường học. 1.2. Khuôn viên của trường có hàng rào bao quanh (tường xây hoặc hàng rào cây xanh) cao tối thiểu 1,5 mét. 1.3. Mỗi trường có ít nhất một khẩu hiệu mang tính giáo dục và phù hợp với yêu cầu cụ thể của nhà trường trong từng năm học. - Khẩu hiệu trang trí đẹp, đặt nơi trang trọng, CB-GV và HS dễ nhìn: 2 điểm - Khẩu hiệu tạm thời, ít người nhìn thấy: 1 điểm 1.4. Lớp học có bảng chống lóa, bàn ghế phù hợp với lứa tuổi và tầm vóc học sinh, có ảnh Bác Hồ, cờ Tổ quốc, khẩu hiệu “Dạy tốt - Học tốt”, “5 điều Bác Hồ dạy”, “Trích thư Bác Hồ gửi các em học sinh tháng 9/1945”,.... - Lớp học có bảng chống lóa, bàn ghế phù hợp cho HS ngồi: 2 điểm - Lớp học có ảnh Bác Hồ, cờ Tổ quốc, khẩu hiệu....: 2 điểm	1 1 2 4	
2. Công tác quy hoạch trồng cây (14 điểm) 2.1. Có sơ đồ hoặc sa bàn quy hoạch tổng thể khoa học hợp lý, bao gồm: khuôn viên, tường (hàng) rào, cây xanh bóng mát, cây cảnh, có vườn sinh vật (vườn ươm, vườn cây thuốc), công trình vệ sinh, nơi xử lý nước thải... - Sơ đồ hoặc sa bàn thể hiện quy hoạch chi tiết: 2 điểm; - Sơ đồ hoặc sa bàn sơ sài thì đạt 1 điểm. 2.2. Chọn cây thích hợp với đặc điểm của trường học. Sân trường có cây xanh che mát khoảng 25% đến 30% diện tích khu trường (hoặc cho ít nhất 1/5 số học sinh đang học được vui chơi lúc trời nắng). Trồng các thảm hoa (thảm cỏ), cây cảnh làm tăng vẻ đẹp của trường. - Trồng cây thích hợp với đặc điểm của trường học: 1.5 điểm - Sân trường có cây xanh bóng mát cho học sinh vui chơi... : 2 điểm - Trồng các thảm hoa (thảm cỏ): 1.5 điểm 2.3. Trồng cây có khoảng cách hợp lý, tạo điều kiện để mọi người hưởng bóng mát, ngắm hoa, cây cảnh (có ghế đá, hoặc xây bồn viền gốc cây làm chỗ ngồi thích hợp cho học sinh nghỉ ngơi, đọc sách, giải trí). - Trồng cây có khoảng cách hợp lý: 1 điểm - Có ghế đá, chỗ ngồi thích hợp cho học sinh nghỉ ngơi giải trí : 2 điểm. 2.4. Sửa sang, tạo dáng cây kiểng, cửa cảnh nhánh để thông thoáng không gian bên dưới, chống đổ, chăm tưới thường xuyên (tạo dáng đơn giản, dễ nhìn) .	2 5* 3 4	

- Sửa sang, tạo dáng cây kiểng: 1 điểm - Cửa cảnh nhánh để thông thoáng không gian bên dưới, chống đổ: 1 điểm - Chăm tưới thường xuyên (thể hiện qua cây kiểng luôn xanh tốt): 2 điểm		
3. Tổ chức chăm sóc và giữ gìn vệ sinh môi trường (9 điểm) 3.1. Có chương trình, kế hoạch và lịch phân công CB-GV-HS tham gia vào các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, giữ gìn vệ sinh môi trường lớp học, nhà trường, khu vệ sinh. - Có chương trình kế hoạch cụ thể: 2 điểm - Lịch phân công CB-GV-HS: 1 điểm 3.2. Tổ chức cho CB - GV và học sinh các lớp chăm sóc cây trồng (vườn hoa, cây cảnh,...) thường xuyên theo lịch. - Tổ chức thường xuyên, có lịch phân công cụ thể: 3 điểm - Có tổ chức nhưng không có lịch phân công: 2 điểm 3.3. Có kế hoạch định kì, kiểm tra đánh giá việc thực hiện chương trình kế hoạch chăm sóc, giữ gìn vệ sinh môi trường lớp học, nhà trường, khu vệ sinh. (xem kế hoạch, biên bản kiểm tra và việc giữ gìn vệ sinh cá nhân HS). 3.4. Có giải pháp đảm bảo vệ sinh khi làm vệ sinh trường, lớp.	3	
4. Xanh hóa lớp học và các phòng làm việc của trường (10 điểm) 4.1. Tạo mảng xanh cho phòng làm việc và lớp học, cây cảnh trồng chậu và treo tường được bố trí thích hợp trong lớp học và các phòng làm việc. - Tạo mảng xanh đều khắp cho phòng học: 2 đ; cây kiểng đa dạng: 2 điểm - Tạo mảng xanh đều khắp cho các phòng làm việc: 1 đ; cây kiểng đa dạng: 1 đ 4.2. Trang trí đẹp, bài trí khoa học cho các lớp học, phòng làm việc của trường gần gũi, thân thiện với thiên nhiên. - Bài trí đẹp, khoa học cho các lớp học: 2 điểm - Bài trí đẹp, khoa học cho các phòng làm việc: 2 điểm	6*	
5. Xây dựng vườn cây học tập (4 điểm) 5.1. Xây dựng vườn trường hoặc khu vực cây phục vụ giảng dạy, học tập. - Vườn cây được quy hoạch riêng, có ít nhất mười chủng loại trở lên và được chăm bón xanh tốt: 3 điểm - Có vườn cây nhưng thiếu sự chăm bón, có cỏ dại, cây chậm phát triển: 2 điểm - Có vườn cây nhưng ít chủng loại (hình thức đối phó): 1 điểm 5.2. Ghi tên và công dụng của loại cây đã trồng trong sân trường.	3	
6. Giảm thiểu xói mòn đất (3 điểm) 6.1. Kè bảo vệ hoặc bê tông hoá đối với những khu vực đất có thể bị xói mòn. 6.2. Phủ cỏ, trồng các loại cây giữ đất. 6.3. Làm hệ thống cống, rãnh thoát nước hợp lý (không để nước đọng). - Có hệ thống cống rãnh nhưng vẫn còn ầm thấp hoặc đọng nước: 1 điểm	1 1 2	
7. Tiết kiệm điện, nước (5 điểm) 7.1. Lắp đặt hệ thống điện đúng tiêu chuẩn, đảm bảo đủ nước sạch (hợp vệ sinh, được kiểm định đối với nước uống) và giảm thiểu thất thoát điện, nước. - Lắp đặt hệ thống điện đúng tiêu chuẩn: 1 điểm - Dùng nước sạch cho học sinh sinh hoạt cá nhân (rửa chân tay): 1 điểm 7.2. Phòng học đủ ánh sáng, các cửa sổ phải được mở thông thoáng cho học sinh hưởng thụ không khí trong lành, mát mẻ; tránh đóng cửa mở điện gây lãng phí - Phòng học đủ ánh sáng: 1 điểm - Các cửa sổ phải được mở thông thoáng: 1 điểm 7.3. Thông báo công khai tiền điện, nước (nếu nước dùng phải trả tiền) từng	2 2	

tháng giúp HS ý thức trong việc quản lý và sử dụng tiết kiệm (hệ thống nước bị rò rỉ, thất thoát nước, trừ 1 điểm ở tiêu chí này)	1	
8. Khu vực vệ sinh (19 điểm) 8.1. Khu vệ sinh học sinh: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho HS khuyết tật tiếp cận sử dụng; số lượng thiết bị: đối với nam gồm 01 tiểu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho 30 HS (trường hợp làm máng tiểu bảo đảm chiều dài máng 0,6m cho 30 HS), có tường/vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí; đối với nữ gồm 01 xí và 01 chậu rửa cho 20 HS. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng đến môi trường. - <i>Bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho HS khuyết tật tiếp cận sử dụng: 2 điểm</i> - <i>Dù thiết bị, diện tích như qđịnh: 3 điểm</i> 8.2. Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị: đối với nam gồm 01 tiểu/15 người, 01 chậu xí/20 người, 01 chậu rửa tay/04 chậu xí nhưng không được ít hơn 01. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng đến môi trường. - <i>Bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho HS khuyết tật tiếp cận sử dụng: 2 điểm</i> - <i>Dù thiết bị, diện tích như qđịnh: 3 điểm</i> 8.3. Nhà vệ sinh có bảng chỉ dẫn theo khu vực Nam, Nữ; có hệ thống đèn chiếu sáng; trang trí hình ảnh hoặc khẩu hiệu nhằm giáo dục học sinh tích cực tham gia giữ gìn vệ sinh chung (tránh nền gạch bóng trơn trượt). - <i>Có bảng chỉ dẫn theo khu vực Nam, Nữ: 1 điểm</i> - <i>Có hệ thống đèn chiếu sáng: 1 điểm</i> - <i>Trang trí các khẩu hiệu, hình ảnh hoặc bảng hướng dẫn nhằm tuyên truyền nhắc nhở học sinh tích cực tham gia giữ gìn vệ sinh chung: 1 điểm</i> 8.4 Nhà vệ sinh (ở tất cả các điểm trường) đảm bảo có đủ nước sạch và được định kì áp dụng các biện pháp tẩy uế, khử mùi hôi, thu dọn chất thải, rác thải,... - <i>Dù nước sạch để sử dụng: 3 điểm</i> - <i>Định kì áp dụng các biện pháp giữ vệ sinh: 2 điểm (nếu có màng nhện trừ 1 điểm)</i> - <i>Có cửa sổ thông gió hoặc quạt thông gió: 1 điểm</i>	5	5
9. Quản lý rác thải (8 điểm) 9.1. Dùng các thùng khác nhau để (phân loại chất thải rắn) chứa các loại chất thải rắn khác nhau. Thùng rác có hình thức đẹp, có nắp đậy, đặt ở nơi thuận tiện. - <i>Dùng tối thiểu 2 loại thùng khác nhau tại 1 vị trí để phân loại rác: 2 điểm</i> - <i>Thùng rác có hình thức đẹp, có nắp đậy: 1 điểm</i> - <i>Đặt ở nơi thuận tiện: 1 điểm.</i> 9.2. Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận tiện cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường. Có khu thu gom riêng các hóa chất độc hại, các chất thải thí nghiệm. - <i>Bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận tiện cho việc thu gom, vận chuyển rác: 3 điểm</i> - <i>Có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường. Có khu thu gom riêng các hóa chất độc hại, các chất thải thí nghiệm: 1 điểm</i>	3	3
10. Các hoạt động vì môi trường (8 điểm)	6*	6*
9. Quản lý rác thải (8 điểm) 9.1. Dùng các thùng khác nhau để (phân loại chất thải rắn) chứa các loại chất thải rắn khác nhau. Thùng rác có hình thức đẹp, có nắp đậy, đặt ở nơi thuận tiện. - <i>Dùng tối thiểu 2 loại thùng khác nhau tại 1 vị trí để phân loại rác: 2 điểm</i> - <i>Thùng rác có hình thức đẹp, có nắp đậy: 1 điểm</i> - <i>Đặt ở nơi thuận tiện: 1 điểm.</i> 9.2. Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận tiện cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường. Có khu thu gom riêng các hóa chất độc hại, các chất thải thí nghiệm. - <i>Bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận tiện cho việc thu gom, vận chuyển rác: 3 điểm</i> - <i>Có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường. Có khu thu gom riêng các hóa chất độc hại, các chất thải thí nghiệm: 1 điểm</i>	4	4*

10.1. Vẽ tranh, làm báo tường (tập san) hoặc tham gia dự thi về môi trường.	2	
10.2. Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về môi trường. Tham gia hưởng ứng các tuần lễ về bảo vệ môi trường. Tổ chức các buổi dã ngoại sinh hoạt về môi trường hoặc giao lưu về môi trường với các cơ quan, đơn vị trong cộng đồng.	2	
10.3. Giáo dục học sinh BVMT qua việc dạy tích hợp ở các môn học (xem Kế hoạch bài dạy của giáo viên)	2	
10.4. Định kỳ quét vôi tường bao, tường lớp học, cổng..., đảm bảo sạch đẹp, không viết, vẽ bậy lên bàn ghế, tường...	2	
11. Những tác động ảnh hưởng đến môi trường (5 điểm)		
11.1. Có khu đỗ xe. Bố trí thích hợp để phụ huynh đưa đón học sinh, tránh tình trạng làm tắc nghẽn giao thông.	2	
11.2. Vệ sinh môi trường xung quanh khu vực trường sạch, đẹp. <i>- Nếu khu vực trường có mùi hôi (không khí bị ô nhiễm) trừ 1 điểm</i>	3	
12. Theo dõi sự thay đổi môi trường của nhà trường (4 điểm)		
12.1. Ghi chép, chụp ảnh đối chiếu để thấy rõ sự thay đổi MT của nhà trường qua từng năm. Trưng bày những ghi chép hình ảnh đó. <i>- Chỉ có hình ảnh nhưng không trưng bày đối chiếu: 1 điểm</i>	2	
12.2. Động viên, khuyến khích mọi người tham gia chăm sóc, cải tạo môi trường của nhà trường (Sân trường, lớp học,... luôn Sạch - Đẹp). <i>- Xem sản phẩm, hiện vật hoặc công sức đóng góp của cộng đồng)</i>	2	
13. Nghệ thuật (Nơi có điều kiện) (2 điểm)		
13.1. Làm một cái ao sinh thái (có thể là ao rất nhỏ) hoặc một khu non bộ đẹp.	1	
13.2. Có thể vẽ những bức bích họa lớn (đảm bảo tính mỹ thuật) trên một số bức tường của trường.	1	
Tổng điểm	100	

Đánh giá chung:

1. Ưu điểm (Ghi những nội dung nổi bật, những điểm nhấn tích cực cần lan tỏa, chia sẻ để đơn vị khác học tập)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Tồn tại

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....

3. Đề nghị

.....
.....
.....
.....
.....

4/ Kết quả đạt được :.....điểm. Xếp loại:

Ghi chú:

* Không chế: Tiêu chí **2.2** đạt 3 điểm trở lên; **4.1** đạt 4 điểm trở lên; **8.4** đạt 5 điểm trở lên; **9.2** đạt 3 điểm trở lên mới xếp loại tốt.

* Xếp loại:

1. Loại tốt: Từ 80 điểm trở lên.
2. Loại khá: Từ 65 đến dưới 80 điểm.
3. Loại TB: Từ 50 đến dưới 65 điểm.

(Xếp loại nhà trường phải kiểm tra, đánh giá tất cả các điểm trường)

....., ngày.....tháng năm 20...

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA

NHÓM KIỂM TRA

1/.....

2/.....

3/.....